

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DSST
Ngày: 27/6/2019
V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán
vật tư nông nghiệp*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trường;
2. Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2019/TLST-DS, ngày 18 tháng 01 năm 2019 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn C – Sinh năm 1973, (có mặt)

Địa chỉ: ấp 3, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Hiện tạm trú: ấp 2, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn X – Sinh năm 1975, (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị T – Sinh năm 1977, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn Ông Huỳnh Văn C trình bày:

Tôi là chủ Đại lý vật tư nông nghiệp “Chiêu Siêu” tại ấp 2, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Từ tháng 01/2017 đến tháng 6/2018 vợ chồng ông X, bà T nhiều

lần đến mua vật tư nông nghiệp của tôi và hứa khi thu hoạch cây ăn trái sẽ trả tiền vật tư cho tôi nhưng sau thu hoạch xong vợ chồng ông X khát nợ không trả tiền cho tôi, tôi đến gặp đòi nhiều lần thì ông bà hẹn lần hẹn lựa cho đến nay, cụ thể những lần bán như sau:

- Ngày 17/01/2017: 21.514.000đ.
- Ngày 21/12/2017: 55.000đ.
- Ngày 26/12/2017: 195.000đ.
- Ngày 29/12/2017: 2.790.000đ.
- Ngày 31/12/2017: 1.020.000đ.
- Ngày 03/01/2018: 12.400.000đ.
- Ngày 05/01/2018: 86.000đ.
- Ngày 07/01/2018: 4.460.000đ.
- Ngày 14/01/2018: 255.000đ.
- Ngày 25/01/2018: 10.750.000đ.
- Ngày 21/12/2018: 15.118.000đ.
- Ngày 28/02/2018: 150.000đ.
- Ngày 23/03/2018: 14.390.000đ.
- Ngày 29/04/2018: 6.000.000đ.
- Ngày 02/05/2018: 3.000.000đ.
- Ngày 28/05/2018: 3.720.000đ.
- Ngày 30/05/2018: 260.000đ.
- Ngày 06/06/2018: 3.550.000đ.
- Ngày 08/06/2018: 2.480.000đ.

Tổng cộng số tiền vợ chồng ông X và bà T mua vật tư nông nghiệp của tôi nợ là: 102.193.000 đồng nhưng khi chốt nợ tôi và vợ chồng ông X, bà T chốt sổ với nhau số tiền ông X, bà T nợ tôi tổng cộng là 98.243.000 đồng nên tôi chỉ kiện yêu cầu ông X, bà T trả cho tôi số tiền là 98.243.000 đồng.

Vợ chồng ông X, bà T đã bán trái cây có thừa khả năng để thanh toán nợ nhưng vẫn không chịu trả tiền cho tôi, cố tình chiếm dụng vốn của tôi. Khi hòa giải tôi cũng có thiện chí tạo điều kiện để vợ chồng ông X trả tiền cho tôi nhưng vợ chồng ông bà chỉ hứa cho qua chứ không có thiện chí trả nợ. Nay đã quá thời gian hẹn lâu nhưng ông bà vẫn không trả cho tôi bất kỳ số tiền nào.

Nguyên vọng ông C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông Huỳnh Văn X và vợ Bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền nợ vật tư nông nghiệp tổng cộng là 98.243.000đ (Chín mươi tám triệu hai trăm bốn mươi ba ngàn đồng) và tính lãi theo lãi suất quy định của nhà nước từ ngày 08/6/2018 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn, tại bản tự khai ngày 12/02/2019, bị đơn Ông Huỳnh Văn X và Bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ông X, bà T thừa nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của ông C. Vợ chồng ông bà có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tại Đại lý vật tư nông nghiệp “Chiêu

Siêu” của Ông Huỳnh Văn C và ông bà có nợ tiền vật tư nông nghiệp của ông C số tiền tổng cộng là 98.243.000đ (chín mươi tám triệu hai trăm bốn mươi ba ngàn đồng).

Nguyên vọng ông X, bà T đồng ý trả cho ông C số tiền là 98.243.000đ nhưng ông bà xin được trả dần, lần đầu cuối tháng 02/2019 âm lịch sẽ trả cho ông C 40.000.000đ, 1 tháng sau trả tiếp 20.000.000đ, số còn lại mỗi tháng ông bà trả 10.000.000đ, trả đến khi dứt số nợ 98.243.000đ (chín mươi tám triệu hai trăm bốn mươi ba ngàn đồng), còn về yêu cầu tính lãi của ông C, ông X và bà T xin ông C không tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại nên Ông Huỳnh Văn C khởi kiện Ông Huỳnh Văn X và Bà Nguyễn Thị T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp được Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên Tòa, Ông Huỳnh Văn X và Bà Nguyễn Thị T là đồng bị đơn vắng mặt không lý do lần thứ hai, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện **ông C** buộc vợ chồng ông X, bà T phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền nợ vật tư nông nghiệp tổng cộng là 98.243.000đ (Chín mươi tám triệu hai trăm bốn mươi ba ngàn đồng) và tính lãi theo lãi suất quy định của nhà nước từ ngày 08/6/2018 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện. HĐXX thấy rằng: Tại biên bản hòa giải ngày 28/3/2019, ông X và bà T thừa nhận ông bà có mua phân bón, thuốc trừ sâu của ông C để sản xuất nông nghiệp từ tháng 01/2017 đến tháng 6/2018 và còn thiếu ông C số tiền là 98.243.000đ (chín mươi tám triệu hai trăm bốn mươi ba ngàn đồng) chưa trả. Ông X, bà T đồng ý trả nợ và hẹn trả nhiều lần mà không thực hiện, để kéo dài đến nay chưa thanh toán được nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015. Mặc khác, trong quá trình giải quyết vụ án ông X và bà T xin trả dần số tiền trên thành 3 đợt: Ngày 02/3/2019 âm lịch (nhằm ngày 06/4/2019) trả 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng); Ngày 02/4/2019 âm lịch (nhằm ngày 06/5/2019) trả 30.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng); Ngày 24/4/2019 âm lịch (nhằm ngày 28/5/2019) trả số tiền còn lại là 28.243.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và xin ông C không tính lãi.

Ông C muốn tạo điều kiện cho ông X, bà T trả nợ nên yêu cầu Tòa án để kéo dài thời gian như thỏa thuận của vợ ông X nhưng quá thời gian trên ông X và bà T vẫn không trả tiền cho ông C.

Xét về yêu cầu giảm lãi của ông X và bà T thì HĐXX xét thấy: Ông C và ông X, bà T công nhận là trong quá trình mua bán ông C không có tính lãi khi ông X, bà T mua vật tư nông nghiệp thiếu. Nay thời gian thiếu nợ kéo dài nên ông C yêu cầu tính lãi trả chậm là có căn cứ HĐXX nghĩ nên áp dụng Điều 357 và Điều 468 BLDS để tính lãi là phù hợp. Do đó, cần buộc ông X và bà T phải trả số tiền còn thiếu cho ông C tổng cộng là 98.243.000đ (chín mươi tám triệu hai trăm bốn mươi ba ngàn đồng) và tính lãi theo lãi suất quy định của nhà nước từ ngày 08/6/2018 cho đến ngày 27/6/2019 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Lãi chậm trả được tính như sau:

$(98.243.000đ \times 10\%/năm (0,833\%/tháng)) \times 12 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} = 10.342.804đ$

Tổng cộng: $98.243.000đ + 10.342.804đ = 108.585.804đ$.

[3]. Về án phí DSST: Do yêu cầu của Ông Huỳnh Văn C được chấp nhận nên Ông Huỳnh Văn X và Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: $108.585.804 \text{ đồng} \times 5\% = 5.429.290đ$ làm tròn 5.429.000đ (Năm triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Ông Huỳnh Văn C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 11, Điều 280, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Huỳnh Văn C đối với bị đơn Ông Huỳnh Văn X và Bà Nguyễn Thị T.

Buộc Ông Huỳnh Văn X và Bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả cho Ông Huỳnh Văn C số tiền nợ vật tư nông nghiệp là 98.243.000đ, lãi chậm trả là 10.342.804đ, tổng cộng là **108.585.804đ** (*Một trăm lẻ tám triệu, năm trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm lẻ bốn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự có giá ngạch là: 5.429.000đ (Năm triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn đồng) buộc Ông Huỳnh Văn X và Bà Nguyễn Thị T phải nộp.

Ông Huỳnh Văn C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000988 ngày 18/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Báo cho Ông Huỳnh Văn C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 27/6/2019.

Ông Huỳnh Văn X và Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TNDN tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Nhật